| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ N**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 555/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày: 22-12-2023<br>V/v: Ly hôn giữa chị Đ và anh H. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lương Việt Bằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Quang Chung

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lã Ngọc Tiền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Ích Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 491/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-12-2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Đ, sinh năm 1973; đăng ký thường trú và cư trú tại: Xóm H, xã G, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đăng H, sinh năm 1972; đăng ký thường trú và cư trú tại: Số 60 phố Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Đ có mặt. Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Vũ Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đăng H có thời gian tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định năm 1994. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 1996 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, luôn bất đồng quan điểm, liên tục cãi nhau. Do mâu thuẫn gay gắt, không có tiếng nói chung nên hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi

từ năm 1996 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Trần Đăng H.

- Về con chung: Chị Vũ Thị Đ xác nhận vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị Vũ Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Đăng H trình bầy: Anh xác nhận thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị Đ trình bầy là đúng. Vì hai bên ly thân đã lâu, không còn tình cảm nên anh nhất trí ly hôn với chị Đ. Anh H xác nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung cũng như vay nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định nhận xét đánh giá: Trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Đ và anh Trần Đăng H.

Về con chung: Chị Vũ Thị Đ và anh Trần Đăng H không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản và vay nợ chung của vợ chồng: Chị Vũ Thị Đ và anh Trần Đăng H không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Đăng H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Đăng H.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Đ và anh Trần Đăng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định năm 1994 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Đ và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng chị Đ và anh H không tìm biện pháp hòa giải hàn gắn tình cảm mà lại chọn giải pháp sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 1996 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, khi chị Đ xin ly hôn, anh H cũng nhất trí ly hôn với chị Đ và xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Đ và anh H đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử

có căn cứ xử ly hôn giữa chị Đ và anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị Đ và anh Trần Đăng H không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, vay nợ chung của vợ chồng: Chị Vũ Thị Đ và anh Trần Đăng H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Đ là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 36/2016/UBTVQH14 ngày 30-6-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Đ và anh Trần Đăng H.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Đ phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí chị Vũ Thị Đ đã nộp theo biên lai số 0001812 ngày 22-11-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

**3.** Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Đăng H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tp. N;
- Chi cục THADS tp. N;
- UBND phường C, tp. N (số 15/1994);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Lương Việt Bằng**